

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PLEIKU  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/KDTM-ST

Ngày: 15/9/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Loan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Xuân Dệt
2. Bà Ngô Thị Thao

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Huy Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N;**

Trụ sở: 02 Láng Hạ, Phường Thành Công, Q Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hàn Hòa T** - Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Hoa Lư Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Phan Bẩy T1**, sinh năm 1978 và bà **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 04, xã Trà Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phan Q**, sinh năm 1965 và bà **Võ Thị Kim H**, sinh năm 1968; Địa chỉ: 54 Ama Quang, Tổ 08, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hàn Hòa T trình bày:*

Ngày 13/10/2017, ông Phan Bẩy T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L có vay Ngân hàng N - Chi nhánh Hoa Lư Gia Lai số tiền 650.000.000đ theo hợp đồng cho vay số 810, thời gian vay: 12 tháng (từ ngày 13/10/2017 đến ngày 13/10/2018),

ngày nhận nợ: 13/10/2017, Ngày trả nợ gốc 13/10/2018; lãi suất trong hạn là 9,5%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn: Buôn bán chuyển hàng nông sản;

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T1 bà L đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có số thửa đất 298, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.223m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: xã Bình Giáo, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai được UBND huyện Chư Prông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 320982 ngày 26/10/2005 cho ông Phan Q và bà Võ Thị Kim H, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 810 ngày 13/10/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T1 và bà L đã trả được số tiền gốc 450.000.000 đồng. Ngày 14/10/2018 ông T1 bà L đã vi phạm thời hạn trả nợ lãi và gốc. Ngân hàng đã thông báo nợ quá hạn nhưng ông T1 bà L không thanh toán cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông T1 bà L và ông Q bà H phải trả số tiền gốc 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi từ ngày 06/5/2019 đến ngày 15/9/2022 là 21.094.897 đồng, tổng cộng 221.094.897 đồng (*Hai trăm hai mươi một triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, T1 trăm chín mươi bảy đồng*). Trường hợp ông T1 bà L không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, nếu tài sản đảm bảo không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý bất cứ tài sản nào của ông T1 bà L và ông Q bà H để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu buộc ông Q bà H phải trả nợ cho Ngân hàng và trường hợp ông T1 bà L không trả được nợ mà tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì không yêu cầu xử lý bất cứ tài sản nào của ông Q bà H mà chỉ yêu xử xử lý tài sản của ông T1 bà L để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Phan Bẩy T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Q và bà Võ Thị Kim H mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không trình bày được quan điểm của mình về nội dung của vụ án.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản ngày 16/6/2022 thể hiện: Thửa đất thế chấp số 298, tờ bản đồ số 13 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 320982 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai cấp ngày 26/10/2005 cho ông Phan Q và bà Võ Thị Kim H có trên thực tế tại Thôn Thanh Bình, xã Bình Giáo, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, không có tài sản trên đất, diện tích 1.223m<sup>2</sup>. Tại thời điểm xem xét, thẩm định không có người sử dụng và không có tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của

pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Bảy T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L; cùng địa chỉ: Thôn 04, xã Trà Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 26 thì đây là vụ án dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể của bị đơn. Do đó đây là hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể và đều có mục đích lợi nhuận nên vụ án được xác định lại là vụ án Kinh doanh tH mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phía nguyên đơn rút yêu cầu buộc ông Q bà H phải trả nợ và trường hợp ông T1 bà L không trả được nợ mà tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì không yêu cầu xử lý bất cứ tài sản nào của ông Q bà H để thu hồi nợ, việc rút đối với yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Q bà H phải trả nợ và đối với yêu cầu buộc xử lý bất cứ tài sản nào cũng ông Q bà H để thu hồi nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo kết quả xác minh của Tòa án, bị đơn là ông Phan Bảy T1, bà Nguyễn Thị Trúc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quận và bà Võ Thị Kim H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện và đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, ông T1 bà L, ông Q bà H đã đi khỏi nơi cư trú mà nguyên đơn đã cung cấp nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tiến hành giải quyết thủ tục chung là đúng theo quy định tại các Điều 177, 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Bị đơn ông Phan Bảy T1, bà Nguyễn Thị Trúc L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Q và bà Võ Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T1 bà L và ông Q và bà H.

[5] Xét, Hợp đồng tín dụng số 810 ngày 13/10/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn giao kết hợp pháp, nên có hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Phan Bảy T1, bà Nguyễn Thị Trúc L phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/9/2022 là 221.094.897 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng và nợ lãi 21.094.897 đồng và toàn bộ lãi phát sinh đến ngày trả hết nợ, theo quy định tại các Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

[6] Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của Ngân hàng N và ông Phan Q, bà Võ Thị Kim H khi giao kết hợp đồng, mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Do vậy, quá trình thi hành án, nếu Phan Bảy T1, bà Nguyễn Thị Trúc L không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải chịu trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 8.800.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, Điều 147, Điều 155, Điều 157, 177, 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, 299, 317, 320, 323 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N cụ thể như sau:

1. Buộc ông Phan Bảy T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L phải trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoa Lư Gia Lai số tiền 221.094.897 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 15/9/2022 là 21.094.897 đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Bảy T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 810 ngày 13/10/2017.

2. Trường hợp ông Phan Bảy T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 810 ngày 13/10/2017 để thu hồi nợ.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Phan Bảy T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L phải trả lại 8.800.000đ (*T1 triệu, T1 trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoa Lư Gia Lai.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí: Ông Phan Bảy T1 và bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 11.054.745đ (*Mười một triệu, không trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoa Lư Gia Lai 5.427.509 đồng (*Năm triệu, bốn trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm lẻ chín đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001626 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

**Thời hạn kháng cáo:** Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (15/9/2022), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Loan Phương**